

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN ODA

Bước vào thời kì đổi mới, Việt Nam bắt đầu có những cam kết tài trợ với các đối tác khác ngoài Liên Xô, và một số nước xã hội chủ nghĩa thuộc đông âu..... Hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các tổ chức tài chính quốc tế (WB, IMF, ADB) và một số nhà tài trợ song phương bắt đầu một chương mới.

Ngày 9-11-1993, Hội nghị quốc tế các nhà tài trợ cho Việt Nam đã khai mạc tại Pari, đánh dấu sự hội nhập của Việt Nam với cộng đồng quốc tế, tạo ra những cơ hội quan trọng hỗ trợ Việt Nam tiến hành công cuộc phát triển nhanh và bền vững.

Tại Hội nghị này, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế thông qua đối thoại trên tinh thần thẳng thắn và xây dựng về con đường phát triển của Việt Nam. Việt Nam cũng đã nhận được cam kết tài trợ, đồng thời các nhà tài trợ đồng ý thiết lập diễn đàn đối thoại hàng năm. Cũng tại Hội nghị này, 22 quốc gia và 17 tổ chức quốc tế tham dự đã cam kết dành ODA cho Việt Nam trị giá 1,86 tỷ USD. Như vậy, số lượng các nhà tài trợ cho Việt Nam đã tăng lên. Trước năm 1993, các nhà tài trợ cho Việt Nam chủ yếu là Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, mà sự trợ giúp chỉ mang tính chất “khẩn cấp” hơn là đầu tư cho phát triển lâu dài.

Tám năm sau, vào thời điểm tháng 12-2001, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác với 25 nhà tài trợ song phương, 19 đối tác đa phương và hơn 350 tổ chức phi chính phủ (NGO). Và tính tới 2015, Việt Nam đã có hơn 50 nhà tài trợ cả song phương và nhà tài trợ đa phương với các chương trình ODA thường xuyên; gần 600 tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam tài trợ khoảng 100 triệu USD/năm. Đứng đầu trong các quốc gia và tổ chức trên là Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á với số vốn cam kết chiếm 70-80% tổng nguồn vốn ODA hằng năm mà các nhà tài trợ dành cho Việt Nam.

Nhật Bản nối lại hỗ trợ chính thức cho Việt Nam cuối năm 1992 và nhanh chóng trở thành nhà tài trợ có quy mô ODA lớn nhất, đạt tổng lượng ODA cam kết hơn 9,6 tỷ USD trong giai đoạn 1992-2004, chiếm khoảng 33% tổng lượng

ODA mà cộng đồng tài trợ quốc tế dành cho Việt Nam trong giai đoạn này. Trong đó tín dụng ưu đãi chiếm 89%, viện trợ không hoàn lại khoảng 11%. Mặc dù tín dụng ưu đãi chiếm tỷ trọng lớn trong ODA của Nhật Bản, nhưng điều kiện vay ưu đãi khá cao (theo điều kiện chung lãi suất 1,3%/năm, thời hạn trả nợ 30 năm, thời gian ân hạn 10 năm) thực hiện dự án thông qua đấu thầu cạnh tranh quốc tế hoặc đấu thầu cạnh tranh có hạn chế. Từ 2005 đến nay, tài trợ của Nhật Bản liên tục tăng qua từng năm, năm 2006 lượng ODA Nhật Bản cam kết cho Việt Nam là 835,6 triệu USD, sang năm 2007 mức cam kết là 890,3 triệu USD, năm 2008 Nhật Bản vượt EU, trở thành nhà tài trợ lớn thứ ba cho Việt Nam với 1.111 triệu USD vốn ODA được cam kết, tăng 20% so với năm trước. Đến năm 2015, ODA Nhật Bản dành cho Việt Nam lên đến 2,5 tỷ USD.

Điểm nổi bật của ODA Nhật Bản là vốn vay ưu đãi tập trung cao vào xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế quy mô lớn, nhất là giao thông vận tải (44% tổng vốn vay) và năng lượng điện (40%). Cho đến nay Nhật Bản vẫn tiếp tục là nhà tài trợ lớn nhất cho Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế quy mô lớn. Ngoài ra, ODA Nhật Bản còn để hỗ trợ các lĩnh vực khác như phát triển nông nghiệp và nông thôn, kết hợp xóa đói giảm nghèo, thủy lợi, lâm nghiệp, thoát nước, vệ sinh môi trường, đô thị, y tế, giáo dục và đào tạo, tăng cường nguồn nhân lực và phát triển thể chế.

Hiện nay quan hệ chính trị Việt Nam - Nhật Bản đang phát triển tốt đẹp theo phương châm tin cậy, ổn định lâu dài. Môi trường đầu tư tại Việt Nam không ngừng được cải thiện, tình hình chính trị - xã hội Việt Nam ổn định, kinh tế tăng trưởng liên tục, nợ nước ngoài trong giới hạn an toàn. Tổng số nợ nước ngoài của toàn bộ nền kinh tế năm 2016 bằng 63,7% GDP và nợ thực tế chỉ bằng 30% GDP, dịch vụ trả nợ chính phủ bằng 60% tổng thu ngân sách nhà nước, công cuộc đổi mới tiếp tục tăng cường... là những yếu tố thuận lợi cơ bản để Nhật Bản tiếp tục là nhà tài trợ lớn tiềm năng cho phát triển lĩnh vực kết cấu hạ tầng của Việt Nam.

Ngân hàng Thế giới (WB) nối lại quan hệ tín dụng với Việt Nam tháng 10-1993. WB không chỉ là nhà tài trợ phát triển có quy mô lớn ở Việt Nam mà còn đóng vai trò điều phối viện trợ, đồng chủ trì Hội nghị thường niên nhóm tư vấn các

nhà tài trợ cho Việt Nam (CG) và có uy tín cao đối với cộng đồng tài trợ quốc tế tại Việt Nam.

Tính đến năm 2016, WB đã tài trợ cho Việt Nam kể cả viện trợ không hoàn lại và vay ưu đãi là khoảng trên 22 tỷ USD, để thực hiện các chương trình và dự án phát triển, nghiên cứu, tư vấn về chính sách và hỗ trợ kỹ thuật thuộc 6 trụ cột ưu tiên đáp ứng nhu cầu phát triển của Việt Nam: (i) tạo ra môi trường hỗ trợ các doanh nghiệp ; (ii) chuyển đổi nền kinh tế ở nông thôn; (iii) nâng cao năng lực con người; (iv) cung cấp các dịch vụ hạ tầng có hiệu quả; (v) cải thiện chất lượng môi trường; (vi) xây dựng cơ chế quản lý hiện đại.

Nhìn chung các dự án ODA của WB cho phát triển kết cấu hạ tầng của Việt Nam thời gian qua có hiệu quả và từ năm 2005 đến nay, WB vẫn là một trong những nhà tài trợ lớn cho Việt Nam với mức cam kết ODA liên tục tăng qua từng năm tài khoá. Năm tài khoá 2006, ODA của WB dành cho Việt Nam là 750 triệu USD, thì năm 2007 con số này là 890 triệu USD và năm 2008 WB là nhà tài trợ có cam kết ODA lớn nhất cho Việt Nam với mức cam kết lên đến 1.660 triệu USD. Năm 2017, WB đã cam kết dành cho Việt Nam nguồn tài trợ bổ sung là 53 triệu USD, ngoài các khoản vay ưu đãi từ trước đó.

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) là ngân hàng phát triển khu vực nổi bật quan hệ tín dụng với Việt Nam vào năm 1993. Trong giai đoạn 1993-2004 ADB đã cam kết dành cho Việt Nam 2,4 tỷ USD vốn vay ưu đãi (ADF) và khoảng hơn 100 triệu USD viện trợ không hoàn lại (hỗ trợ kỹ thuật - TA, chủ yếu để chuẩn bị các dự án vốn vay), chiếm khoảng hơn 8% tổng lượng ODA mà cộng đồng tài trợ quốc tế cam kết dành cho Việt Nam giai đoạn này. Bình quân hàng năm trong giai đoạn 1993-2004 ADB đã cung cấp cho Việt Nam khoảng hơn 200 triệu USD¹, trong đó chủ yếu là vốn vay ưu đãi (ADF) và đã có một phần nhỏ vốn vay thông thường (OCR) có điều kiện vay trả gần với tín dụng thương mại.

Ngoài ra, trong khuôn khổ hợp tác tiểu vùng Mêkông mở rộng (GMS), ADB cũng dành cho Việt Nam tín dụng ưu đãi để thực hiện một số dự án theo GMS.

Từ năm 2005 đến nay, nguồn vốn ODA của ADB dành cho Việt Nam vẫn liên tục tăng qua từng năm tài khoá và thường xuyên nằm trong top 4 nhà tài trợ

lớn nhất cho Việt Nam (EU, WB, ADB, Nhật Bản). Năm tài khoá 2005, ODA của ADB dành cho Việt Nam là 539 triệu USD, xếp thứ tư sau EU, Nhật Bản và WB. Năm 2006 vươn lên dẫn đầu với con số ODA cam kết là 1.100 triệu USD. Năm 2007 ADB tiếp tục là nhà tài trợ dẫn đầu với mức cam kết ODA lên tới 1.350 triệu USD và năm 2008 ADB cam kết là 1566 triệu USD, tăng hơn 200 triệu USD so với năm 2007 và xếp thứ hai sau WB. Giai đoạn 2014-2017 ADB đã tài trợ cho Việt Nam khoảng trên dưới 5 tỷ USD.

Nhìn chung, chiến lược hợp tác với Việt Nam của ADB là tập trung vốn hỗ trợ cho việc cải tạo và nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, tăng cường thể chế và đào tạo nguồn nhân lực, coi trọng chương trình xóa đói, giảm nghèo... Do vậy, đây là một nhà tài trợ mà Việt Nam cần quan tâm “khai thác” sự ủng hộ cả trên phương diện số lượng nguồn vốn ODA được cung cấp lẫn mục tiêu sử dụng nguồn vốn này bởi ODA của ADB thường được ưu tiên lớn cho Việt Nam về số lượng và mục tiêu cung cấp cũng như gần sát với mục tiêu sử dụng ODA của Việt Nam.

Ngoài Nhật Bản, WB và ADB là những nhà tài trợ có số vốn lớn nhất, còn có một số nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) và Ủy ban châu Âu (EC) cũng là địa chỉ dành ODA cho Việt Nam khá sớm. Nhiều nước trong khối này đã nối lại nguồn tài trợ ODA từ trước năm 1993, thậm chí có nước cung cấp ODA cho Việt Nam ngay cả trong những năm còn bị bao vây, cấm vận với số vốn đáng kể như Pháp, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch...

- Cộng hoà Pháp: Trong chính sách hợp tác phát triển của mình, Pháp coi Việt Nam là nước ưu tiên “Quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện, lâu dài, tin cậy” trong thế kỷ XXI .

Trong giai đoạn từ năm 1993 cho đến cuối năm 2005, Pháp đã cung cấp ODA cho Việt Nam trị giá hơn 912 triệu USD, trong đó chủ yếu là tín dụng ưu đãi, chiếm khoảng 91%, còn lại là viện trợ không hoàn lại, chiếm khoảng 9% Và đến năm tài khoá 2008, trong các nước thuộc EU trực tiếp viện trợ ODA cho Việt Nam, đứng đầu vẫn là Cộng hòa Pháp với 280,96 triệu USD. Năm 2015 Pháp tiếp tục tài trợ cho Việt Nam khoảng 800 ngàn euro và vay ưu đãi 22 triệu euro.

Những lĩnh vực ưu tiên sử dụng ODA của Pháp thời gian qua là hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường đô thị, thông tin tín hiệu đường sắt, hầm đường sắt, bảo dưỡng máy bay, đào tạo phi công, bưu chính viễn thông, viễn thám, hệ thống đa cảnh giới biên...), phát triển nông nghiệp và nông thôn (phát triển cà phê, cao su, chè, tín dụng nông thôn, phát triển kết cấu hạ tầng quy mô nhỏ...).

Những phương thức tài trợ chủ yếu của Pháp cho Việt Nam là tín dụng ưu đãi thông qua Nghị định thư tài chính, Quỹ Phát triển Pháp (AFD) và hình thức viện trợ không hoàn lại thông qua Quỹ Đoàn kết ưu tiên (FSP), Quỹ Môi trường toàn cầu của Pháp, các sáng kiến như: Diễn đàn đối thoại và giao lưu kinh tế - tài chính Việt - Pháp, Nhà pháp luật Việt - Pháp, Phát triển hợp tác cấp địa phương.

Quá trình tiếp nhận ODA của Pháp cho thấy, về cơ bản điều kiện tài chính các khoản vay ODA này có ưu đãi nhưng chưa đạt mức cao (thành tố không hoàn lại (GE) khoảng 35-45%), quy mô dự án nhỏ, thời gian chuẩn bị và thực hiện dự án thường kéo dài. Các dự án thông qua Nghị định thư tài chính có ràng buộc (phải mua vật tư, thiết bị và dịch vụ tư vấn có xuất xứ Pháp). Do vậy, có thể nói tiếp tục sử dụng ODA của Pháp là cần thiết, song cần phải cân nhắc, lựa chọn kỹ càng khi tiếp nhận vì tính ưu đãi không cao lại có những ràng buộc.

- Cộng hoà Liên bang Đức: Đức nổi lại viện trợ phát triển dành cho Việt Nam từ năm 1990, đến năm 2005 tổng cam kết ODA đạt 597 triệu USD, trong đó khoảng 150 triệu Euro hợp tác kỹ thuật (TA, không hoàn lại) và 300 triệu Euro hợp tác tài chính (FC vốn vay ưu đãi chiếm khoảng 60% và viện trợ không hoàn lại chiếm khoảng 40%) (Do cách tính của nhà tài trợ nên không có sự thống nhất trong đơn vị tiền tệ) . Nhìn chung lại, giai đoạn vừa qua ODA không hoàn lại chiếm khoảng 54%, còn lại là vốn vay ưu đãi. Vốn vay ưu đãi của Đức có mức độ ưu đãi cao (thời gian trả nợ 40 năm, trong đó có 10 năm ân hạn, lãi suất 0,75%/năm)¹. Từ năm 2005 đến nay, nguồn ODA của Đức dành cho Việt Nam không ngừng tăng lên. Trong năm tài khoá 2008, lượng ODA mà Đức cam kết cho Việt Nam là 186 triệu USD, gần bằng 1/3 tổng số vốn ODA mà nước này dành cho Việt Nam giai đoạn 1990-2005. Giai đoạn 2014-2015 Đức đã tài trợ cho Việt Nam khoảng 272 triệu usd.

ODA của Đức trong thời gian qua đã tập trung vào các lĩnh vực: (i) hỗ trợ cải cách kinh tế và xây dựng nền kinh tế thị trường; (ii) bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, kể cả cấp thoát nước và xử lý nước thải; (iii) y tế, kế hoạch hoá gia đình và phòng chống HIV/AIDS; học bổng học tập và nghiên cứu...

- Vương quốc Thụy Điển: Quan hệ hợp tác Việt Nam - Thụy Điển đã có truyền thống lâu dài, thậm chí cả trong thời gian Việt Nam bị bao vây và cấm vận. Từ năm 1969 đến nay, Thụy Điển đã cung cấp khoảng hơn 2,5 tỷ USD vốn không hoàn lại. Ngoài ra, Thụy Điển còn cung cấp tín dụng ưu đãi trị giá khoảng 86 triệu USD để đầu tư cho các lĩnh vực như năng lượng, viễn thông và công nghiệp giấy. Trong 5 năm 2001-2005, Thụy Điển cam kết ODA trị giá 227 triệu USD, bình quân hàng năm khoảng 45 triệu USD. Trong giai đoạn 1993 - 2005, cam kết ODA của Thụy Điển

Trong hợp tác phát triển, Thụy Điển tập trung vào các lĩnh vực dân chủ và nhân quyền; các lĩnh vực xã hội (y tế, giáo dục, xoá đói giảm nghèo...), tài nguyên thiên nhiên và môi trường; hợp tác nghiên cứu; tín dụng ưu đãi và các chương trình khác (các hỗ trợ nhân đạo, NGO, cải cách kinh tế...).

ODA của Thụy Điển phần lớn là viện trợ không hoàn lại và mang tính ổn định lâu dài. Do đó, trong những giai đoạn tiếp sau, chúng ta cần coi trọng đối tác này để hỗ trợ đắc lực cho chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, nước sạch vệ sinh môi trường).

Tuy nhiên, vì những bất đồng khách quan, từ năm 2012, Thụy Điển đã ngừng tài trợ cho Việt Nam.

Tính chung từ năm 2006 đến nay, EU luôn là một trong bốn nhà tài trợ lớn cho Việt Nam. Năm tài khoá 2006, EU là nhà tài trợ lớn nhất cho Việt Nam với tổng vốn ODA được cam kết là 936,2 triệu USD. Đến năm 2007, tuy không giữ được vị trí số một mà tụt xuống vị trí số hai, nhưng EU vẫn có mức cam kết ODA ấn tượng là 957 triệu USD. Năm 2008, EU giảm cam kết gần 70 triệu USD xuống còn 893,48 triệu USD song Liên minh này vẫn là một trong số các nhà tài trợ lớn cho Việt Nam. Đến năm 2014, EU đã tăng 30% tài trợ viện trợ ODA cho Việt Nam

Các hiệp định về ODA được ký đạt trên 35,002 tỷ USD và tổng mức giải ngân từ năm 1993 đến hết năm 2008 đạt 22 tỷ USD, tương đương 45,59% tổng lượng ODA cam kết và 62,85% tổng vốn ODA đã ký kết. Năm 2014, mức giải ngân lên tới 5,6 tỷ USD. Trong cơ cấu ODA, ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông nói riêng và các ngành thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế thường chiếm tỷ trọng cao.

Như vậy, cho đến nay, sau hơn 25 năm nguồn vốn ODA được nối lại cho Việt Nam, tổng số vốn ODA cam kết cho Việt Nam không ngừng tăng lên qua từng năm tài khoá và thường vượt mức dự báo, kể cả trong những điều kiện kinh tế khu vực, thế giới có những biến động lớn (khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á, khủng hoảng kinh tế thế giới 2008), có thể nhận thấy qua bảng số liệu tổng hợp sau:

Số liệu nêu trên cho thấy trong giai đoạn 1993-2000, Việt Nam đã đàm phán và ký kết các hiệp định vay vốn với tổng giá trị 13,8 tỷ USD, đạt gần 78,5% so với tổng giá trị đã cam kết của cả giai đoạn (bao gồm 11,879 tỷ USD vay ưu đãi và 1,993 tỷ USD viện trợ không hoàn lại). Tổng vốn ODA giải ngân thời kỳ 1993-2000 là 8,017 tỷ USD bằng 57,83% tổng giá trị các hiệp định đã ký kết trong thời kỳ này và chiếm khoảng 45,35% so với tổng vốn cam kết.

Trong giai đoạn 2001-2005, Chính phủ đã ký kết các hiệp định vay ODA đạt 11.063 triệu USD, chiếm gần 74,3% so với tổng giá trị đã cam kết của giai đoạn này (14.889 triệu USD). Tổng vốn ODA giải ngân đạt 7.887 triệu USD, tương đương 52,97% tổng lượng ODA cam kết cùng kỳ.

Trong 3 năm 2006-2008, cam kết ODA cho Việt Nam liên tục xác lập các mức kỷ lục mới. Nếu như năm 2005 tổng vốn ODA cam. kết là 3,748 tỷ USD thì năm 2006 đã tăng lên là 4,457 tỷ USD. Năm 2007 cam kết ODA vượt hơn năm 2006 trên 1 tỷ USD, đạt mức 5,426 tỷ USD và đến năm 2008 cam kết ODA đạt 5,400 tỷ USD. Con số này thấp hơn mức cam kết năm 2007 (5,426 tỷ USD) nhưng vẫn cao hơn các năm trước đó. Cuối năm 2008, mặc dù kinh tế thế giới đã rơi vào khủng hoảng, suy thoái, song tại Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (ngày 4 và 5-12-2008), 28 nhà tài trợ cũng đã cam kết khoản ODA cho Việt Nam trong năm 2009 trị giá tương đương 5,014 tỷ USD. Như vậy tổng cam kết ODA

trong 4 năm 2006-2009 đạt mức 20,297 tỷ USD, gần gấp đôi mức cam kết giai đoạn 1996-2000 và gấp hơn 1,3 lần giai đoạn 2001-2005. Tổng cam kết ODA dành cho Việt Nam suốt thời gian qua khoảng hơn 90 tỷ USD. Tổng lượng ODA ký kết đạt 13,277 tỷ USD, chiếm 65,41% cam kết giai đoạn này. Tổng lượng ODA giải ngân đạt 8,097 tỷ USD, tương đương 39,89% lượng ODA cam kết cùng kỳ.

Tới nay, Chính phủ Việt Nam đã ký kết được với các nhà tài trợ 1,467 tỷ USD vốn ODA và đã giải ngân được 720 triệu USD. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), một trong bốn nhà tài trợ lớn cho Việt Nam, mức giải ngân khá nhất trong thời gian qua là các dự án ngành điện (đạt 50%); tiếp đó là các dự án giao thông vận tải, nâng cấp đô thị, giáo dục đào tạo với mức giải ngân thấp hoặc trung bình; thấp nhất là các dự án công nghệ thông tin.

Thời gian qua, Chính phủ Việt Nam đã ký kết nhiều hợp đồng ODA lớn với các nhà tài trợ lớn cho Việt Nam, như ký với ADB để thực hiện các dự án: sản xuất điện Cà Mau (400 triệu USD), đường vành đai II tại thành phố Hồ Chí Minh (300 triệu USD)... Bên cạnh đó, riêng Vương Quốc Anh đã ký kết với Việt Nam một thỏa thuận 10 năm, theo đó, mỗi năm Anh tài trợ không hoàn lại 50 triệu bảng Anh. Theo đó, các khoản viện trợ từ nhà tài trợ này sẽ tập trung vào các lĩnh vực như xúc tiến giao thương toàn cầu, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu và căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS. Vương Quốc Anh đánh giá cao các biện pháp vĩ mô của Việt Nam trong quản lý điều hành tiền tệ, chỉ tiêu công của Chính phủ trước những tác động của hội nhập WTO và khủng hoảng kinh tế hiện nay.

Sở dĩ trong điều kiện kinh tế thế giới đang khủng hoảng, suy giảm kinh tế, nhưng các nhà tài trợ vẫn đưa ra những tín hiệu tích cực về cam kết ODA cho Việt Nam là do các nhà tài trợ đều đánh giá Việt Nam sử dụng khá hiệu quả nguồn vốn này, Việt Nam luôn theo đuổi chính sách quản lý nợ thận trọng. Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến quản lý vay, trả nợ nước ngoài; xây dựng và quản lý hệ thống chỉ tiêu nợ; thu thập, báo cáo thông tin nợ, bảo lãnh, cho vay lại... Vì vậy, các chỉ số nợ nước ngoài của Việt Nam từ năm 2000 đến nay luôn trong giới hạn an toàn, được WB và IMF đặt trong danh sách nhóm các nước có mức nguy thấp về nợ nước ngoài. Nhờ đó, Việt Nam sẽ duy trì được cơ hội có được lượng vốn ODA cần thiết phục vụ các nhu cầu đầu tư phát triển trong giai

đoạn tiếp theo, nếu Việt Nam có phương pháp tiếp cận và sử dụng nguồn vốn này một cách hiệu quả.

Nhìn chung, từ năm 1993 đến nay, lượng ODA cam kết, ký kết và giải ngân liên tục tăng qua từng giai đoạn, giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước. Tuy nhiên, nếu so sánh tỷ lệ ODA ký kết trên GDP với các nước có trình độ phát triển kinh tế tương đương thì tỷ lệ này của Việt Nam là khá thấp, kể cả trong giai đoạn 2001-2005, là giai đoạn đạt mức cam kết, ký kết và giải ngân cao nhất, song cũng chỉ ở mức trung bình 3,5-4,5% (tỷ lệ này trung bình của các nước tiếp nhận ODA trên thế giới là 9%). Mức giải ngân vốn ODA hàng năm có tăng, song mới chỉ đạt 70-80% mức kế hoạch đề ra và tỷ lệ giải ngân ODA của một số nhà tài trợ tại Việt Nam vẫn thấp hơn so với chỉ tiêu này ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tuy vậy, bước sang giai đoạn 2006-2008, tỷ lệ giải ngân ODA của Việt Nam đã được đánh giá là phát triển tốt bởi sử dụng ODA vẫn đang là chương trình ưu tiên của Chính phủ. Cụ thể, trong ba năm 2006-2008, giải ngân đạt 6,097 tỷ USD, theo đà này thì trong 5 năm (2006- 2010) mức giải ngân sẽ là 11 tỷ USD (đạt mục tiêu đề ra cho giai đoạn này là 10,9 tỷ USD).

Trong đó, năm 2007, lần đầu tiên kết quả giải ngân ODA tại Việt Nam đã vượt dự kiến đề ra, tăng trên 10% so với năm 2006. Mức giải ngân này đang tiến tới mức trung bình của thế giới. Theo công bố của Chính phủ tại Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam vào tháng 12- 2007, sau một năm gia nhập WTO, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao (8,5%), xuất khẩu tăng 21% so với năm 2006, thu hút FDI ước đạt 15 tỷ USD. Riêng về ODA, Việt Nam giải ngân 2 tỷ USD trong năm 2007, lần đầu tiên vượt chỉ tiêu 5%.

Không chỉ các nhà tài trợ mà cả Chính phủ Việt Nam đều thừa nhận rằng, từ năm 1993 đến nay, về cơ bản việc thu hút và sử dụng ODA ở Việt Nam là có kết quả tốt. Điều đó được ghi nhận khá rõ trong báo cáo 10 năm ODA (1993-2003) của ủy ban Đối ngoại Quốc hội khóa IX: thu hút và sử dụng vốn ODA trong 10 năm qua đã được thực hiện theo các quan điểm, chủ trương và đường chỉ đạo của Đảng tại các văn kiện Đại hội Đảng, phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; ưu tiên sử dụng nguồn lực này để hỗ trợ phát

triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, phát triển lực lượng sản xuất, góp phần tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân .

Tuy nhiên, từ năm 2018 việc Việt Nam được công nhận ra khỏi hệ thống nước được nhận được ODA cũng là một khó khăn cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, một số dự án ODA cũng đã đến thời gian đáo hạn, do đó, khó khăn chồng chất khó khăn. Điều này thể hiện một vấn đề là đã đến lúc cần một sự quản lý vĩ mô chặt chẽ, một định hướng chiến lược đúng đắn, một cơ chế tài chính phân minh, chống tham nhũng hiệu quả và quan trọng hơn hết là phải nỗ lực dựa vào nội lực của bản thân.

